

PHỤ LỤC SỐ 01
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phê duyệt tại Quyết định số 39/QĐ-UBQLV ngày 21/01/2020)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Tổng công ty hàng hải Việt Nam là doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực vận tải biển, khai thác cảng biển và dịch vụ hàng hải. Đây là các ngành nghề có mức độ cạnh tranh cao cả trong và ngoài nước với độ mở của nền kinh tế ngày càng sâu rộng. Ngành vận tải biển thế giới vẫn tiếp tục chìm trong khó khăn hơn một thập niên, đội tàu biển Việt Nam cũng không tránh khỏi thua lỗ, kém hiệu quả. Năm 2019, Tổng công ty tập trung thực hiện tái cơ cấu các doanh nghiệp vận tải biển và dịch vụ hàng hải, nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác cảng thông qua thực thi các giải pháp về thị trường, khách hàng, tài chính, đầu tư, khai thác, công nghệ thông tin; đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo và đào tạo phát triển nguồn nhân lực, bên cạnh tiếp tục tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Với sự nỗ lực, đồng lòng của tập thể Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên, Tổng công ty đã đạt kết quả trong sản xuất kinh doanh như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2019	TH 2019	So sánh	
				TH 2019 /KH 2019	TH 2019 /TH 2018
HỢP NHẤT					
Sản lượng vận tải biển	Ng.Tấn	19.937	23.045	115,6%	86,2%
Sản lượng thông qua cảng	Ng.Tấn	99.926	106.239	106,3%	112,9%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	13.874	12.155	87,6%	89,2%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	304	660	217,3%	120,1%
CÔNG TY MẸ					
Sản lượng vận tải biển	Ng.Tấn	4.670	5.821	124,6%	69,0%
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.649	1.547	93,8%	75,4%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(497)	(601)		

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 chịu ảnh hưởng của các yếu tố: Tổng công ty xử lý tài chính, tài sản trước khi chuyển thành CTCP; tiến độ cổ phần hóa thay đổi so với kế hoạch ban đầu; công tác tái cơ cấu tài chính tại Công ty TNHH MTV Vận tải biển Đông gặp vướng mắc do chưa có cơ chế, hướng dẫn thực hiện.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 660 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2018, vượt kế hoạch gấp 2 lần. Nộp ngân sách dự kiến 927 tỷ đồng, tăng 16,3% so với năm 2018.

2. Kết quả hoạt động đầu tư phát triển

- Đầu tư xây dựng cơ bản: trong năm 2019, Tổng công ty đã đạt được phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư bến số 3, 4 cảng Lạch Huyện do Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng làm chủ đầu tư; hoàn thành giai đoạn 1 dự án đầu tư xây dựng và công bố mở cầu cảng số 2 và số 3 tại bến cảng Sài Gòn - Hiệp Phước, tổng chiều dài 500m, khả năng tiếp nhận tàu đến 50.000DWT; hoàn thành gói thầu thi công cầu tàu dự án ĐTXD Cảng Vinalines Đình Vũ, hiện nay đang hoàn thiện phương án thiết bị và các hạng mục còn lại.

- Đầu tư/thoái, giảm vốn: thực hiện kết luận của Thanh tra Chính phủ, Tổng công ty đã hoàn thành việc chuyển giao, tiếp nhận là đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, từng bước ổn định hoạt động kinh doanh, bộ máy tổ chức doanh nghiệp. Trong năm 2019, Tổng công ty tiếp tục thực hiện các thủ tục thoái giảm vốn tại các doanh nghiệp theo kế hoạch, tuy nhiên, một số doanh nghiệp chưa thực sự hấp dẫn trên thị trường và một số doanh nghiệp vẫn chưa thực hiện được do vướng mắc về bảo lãnh và các vấn đề về đất đai.

- Bán thanh lý tàu: hoàn thành bán, chuyển giao cho ngân hàng 06 tàu với tổng trọng tải 116 ngàn tấn và tiếp tục thực hiện thủ tục bán tổng đoạn thân tàu 47.500 DWT (HB 02, HB03) và 22.500 DWT (BV12) sau hai lần đấu giá không thành công.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh

1.1 Mục tiêu hoạt động

- Tiếp tục triển khai các thủ tục cổ phần hóa để chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty thành công ty cổ phần. Hoàn thiện bộ máy tổ chức và quản trị doanh nghiệp dưới mô hình công ty cổ phần hiện đại, phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực quốc tế.

- Chủ động nghiên cứu, xác định lợi thế cạnh tranh so với doanh nghiệp khác, có chiến lược kinh doanh phù hợp, hiệu quả. Chủ động đổi mới, sáng tạo,

phát huy mọi nguồn lực nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong kinh doanh, đảm bảo bắt kịp xu thế phát triển của ngành hàng hải trong khu vực và thế giới; nâng cao chất lượng dịch vụ, năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh.

- Cơ cấu lại nguồn lực, vốn đầu tư để tập trung vào những lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, trong đó có trọng điểm: tập trung phát triển hệ thống cảng biển tại khu vực Lạch Huyện (Hải Phòng), Đà Nẵng, Quy Nhơn và Cái Mép - Thị Vải. Nghiên cứu xây dựng các trung tâm logistics/ICD tạo vai trò kết nối và khép kín chuỗi dịch vụ; liên kết chặt chẽ mối quan hệ giữa các thành viên trong Tổng công ty để từng bước cung ứng cho khách hàng các giải pháp dịch vụ trọn gói.

- Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Tổng công ty và vốn của Tổng công ty đầu tư tại các doanh nghiệp khác. Xây dựng và triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn Tổng công ty và các doanh nghiệp thành viên. Tiếp tục tái cơ cấu hoạt động và tái cơ cấu tài chính các công ty có vốn góp và các doanh nghiệp liên doanh không hiệu quả.

- Nâng cao năng suất lao động tạo tiền đề cải thiện thu nhập cho người lao động trên cơ sở gắn với kết quả, hiệu quả hoạt động kinh doanh; chăm lo tốt đời sống cho người lao động.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 107/NQ-CP ngày 10/10/2017 của Chính phủ về một số biện pháp tái cơ cấu tài chính của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2016-2020, tiến tới tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

1.2 Chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động kinh doanh

Trên cơ sở mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của quốc gia, mục tiêu hoạt động, tiến độ cổ phần hóa Công ty mẹ, các kế hoạch kinh doanh, tái cơ cấu, đầu tư, quản trị của Tổng công ty và dự báo, xu hướng thị trường, Tổng công ty xây dựng và trình Ủy ban quản lý vốn Nhà nước về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020. Ngày 21/01/2020, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2020 của Công ty mẹ tại Quyết định số 39/QĐ-UBQLV, cụ thể các chỉ tiêu kế hoạch trình và phê duyệt năm 2020 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020
HỢP NHẤT		
Sản lượng vận tải biển	Nghìn Tấn	19.428
Sản lượng thông qua cảng	Nghìn Tấn	108.211
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.315
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	938

CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2020
CÔNG TY MẸ		
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.555
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	51
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	%	0,42
Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn		> 1
Nợ phải trả quá hạn		Không có

1.3 Kế hoạch phát triển thị trường sản phẩm

- Trọng tâm là tiếp tục duy trì hợp tác với các hãng tàu lớn, tìm kiếm khách hàng vận tải. Tăng cường làm việc với các hãng tàu, liên minh vận tải, khai thác cảng biển, logistics quốc tế nhằm mở rộng thị trường cũng như kết nối với mạng lưới vận tải, cảng biển, logistics quốc tế.

- Tìm kiếm các đối tác chiến lược cùng hợp tác trong các dự án lớn của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, đặc biệt là dự án Lạch Huyện (bến số 3,4) đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương giao cho Cảng Hải Phòng làm chủ đầu tư.

- Đẩy mạnh kết nối làm việc với các đối tác đã ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác trong các lĩnh vực quan trọng nhằm nhanh chóng hiện thực hóa các dự án, mang lại lợi nhuận cho Tổng công ty.

- Tham gia tháp tùng Lãnh đạo Đảng và Nhà nước, lãnh đạo Bộ, ban ngành trong các hoạt động đối ngoại mà dự kiến trong thành phần có các tập đoàn, tổng công ty; tham gia các chương trình của Liên đoàn Hiệp hội chủ tàu Đông Nam Á (FASA) với vị trí chủ tịch, Diễn đàn chủ tàu Châu Á (ASF) qua đó phát triển thương hiệu và mở rộng kinh doanh.

- Duy trì và phát triển hoạt động cung ứng dịch vụ chuỗi tới các tập đoàn, nhà sản xuất lớn trong nước và quốc tế với nguồn hàng ổn định, khối lượng lớn.

- Khai phá thêm nguồn hàng như khoáng sản, nông sản, hàng lạnh, dự án và thị trường tiềm năng tại các quốc gia có liên kết nội vùng với Việt Nam trên hành lang kinh tế Đông Tây, vận tải thủy đến Campuchia, thị trường EU.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

2.1 Hoạt động đầu tư

Tổng mức đầu tư toàn Tổng công ty năm 2020 (bao gồm các công ty con và Công ty mẹ) là 1.778,5 tỷ đồng, trong đó:

- Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm: 1.713,5 tỷ đồng với nguồn vốn dự kiến thực hiện đầu tư, mua sắm chủ yếu là vốn tự có, một phần là vốn vay và các nguồn vốn khác.

- Đầu tư tài chính: 65 tỷ đồng bằng nguồn vốn tự có.

2.2 Bán thanh lý tàu

Tổng số lượng tàu bán thuộc đội tàu Tổng công ty năm 2020 (bao gồm các công ty con và Công ty mẹ) là 15 tàu, tổng trọng tải 367 nghìn tấn.

2.3 Đầu tư/Thoái, giảm vốn

Tổng số lượng doanh nghiệp thành viên thực hiện thoái/giảm vốn năm 2020 là 13 doanh nghiệp.

Hoàn tất nghĩa vụ tài chính tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn theo kết luận của Thanh tra Chính phủ.

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Căn cứ nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã được BCH Trung ương ban hành tại Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018; Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 - 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 27/02/2017 và Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam tại Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 20/6/2018; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Các nhiệm vụ do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành chỉ đạo; để thực hiện được các mục tiêu đề ra cho năm 2020, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam xây dựng các giải pháp chủ yếu như sau:

1. Hoạt động kinh doanh

1. Về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường

1.1 Vận tải biển

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài chính và tái cơ cấu đội tàu của các doanh nghiệp vận tải biển theo phương án được phê duyệt.

Gia tăng năng lực đội tàu thông qua các hình thức thuê tàu ngoài, linh hoạt trong các hình thức khai thác nhằm duy trì sản lượng, doanh thu.

Xây dựng kế hoạch triển khai Công ước Marpol 73/78 của Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO) và Công ước quốc tế về kiểm soát, quản lý nước dằn và cặn nước dằn tàu năm 2004 (BWM 2004).

Phát triển tuyến vận tải biển xa (đối với tàu hàng rời) sang các thị trường có hiệu quả như Úc, Mỹ, Châu Âu. Tiếp tục phát triển các tuyến vận tải container, tăng tỷ lệ slot COC trên 30% tổng sản lượng.

Ứng dụng công nghệ thông tin, các phần mềm quản trị trong mua bán vật tư, quản lý chi phí đội tàu.

1.2 Cảng biển

Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống cảng có vốn góp của Tổng công ty, kết nối và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực tại các cảng: Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Sài Gòn, phát huy vai trò của các cảng chủ lực. Giao Cảng Hải

Phòng là đầu mối phát triển dịch vụ sau cảng phối hợp các doanh nghiệp dịch vụ hàng hải.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác cảng như giải pháp công nghệ Eport, xây dựng cơ sở dữ liệu khách hàng tập trung cho các doanh nghiệp cảng biển.

Kiểm soát chi phí tại các cảng thông qua việc ban hành các định mức kỹ thuật, thực hiện các hoạt động mua chung.

Đẩy mạnh tái cơ cấu hoạt động kinh doanh cho nhóm cảng liên doanh, đảm bảo quyền lợi của cổ đông Việt Nam.

Tái cơ cấu hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động các cảng: Transvina, Vinalines Hậu Giang, Cần Thơ.

Đảm bảo năng lực khai thác hệ thống cảng biển, xử lý dứt điểm phương án thuê cầu số 4, 5 cảng Chùa Vẽ, cơ chế di dời Cảng Sài Gòn và dự án Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước.

1.3 Dịch vụ hàng hải

Tiếp tục nghiên cứu sắp xếp các doanh nghiệp (Vimadeco và Vinabrigde), tiếp tục tái cơ cấu doanh nghiệp sau sắp xếp (VCSC sau khi tiếp nhận nguồn lực từ Chi nhánh Vinalines Hồ Chí Minh và Trung tâm VTAL), thực hiện tái cơ cấu quản trị, tái cơ cấu hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp (Vinalines Logistics, Vosa).

Tái cấu trúc ngành nghề, nghiên cứu thu gọn/ sáp nhập để tối ưu hóa năng lực và cơ sở hạ tầng các doanh nghiệp.

Phát triển cơ sở hạ tầng logistics gắn liền với hệ thống cảng của Tổng công ty và tại các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp lớn trên cả nước.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các hoạt động khai thác kho, bãi, đội xe, kiểm soát chi phí, nhiên liệu,

Nghiên cứu từng bước xây dựng thương hiệu logistics chung cho Tổng công ty.

1.4 Phát triển thị trường

Thu hút thêm ít nhất 05 service container về hệ thống cảng của Tổng công ty.

Đồng hành cùng các hãng tàu nghiên cứu thị trường tại khu vực miền Trung Tây Nguyên và Đông Bắc Campuchia để tìm kiếm vị trí thiết lập ICD tại khu vực để thu hút khách hàng, tìm kiếm nguồn hàng ổn định cho Cảng Quy Nhơn.

Nghiên cứu xây dựng dịch vụ tích hợp (cảng - vận tải biển - kho, bãi, trung tâm phân phối hàng hóa, ...) trên cơ sở tập trung đẩy mạnh và nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống kho, bãi, đội tàu hiện hữu và các cảng nước sâu nhằm cung cấp dịch vụ logistics trọn gói cho khách hàng.

Định kỳ 6 tháng lấy ý kiến phản hồi của khách hàng để hoàn thiện và cải tiến dịch vụ.

2. Hoạt động đầu tư

Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản cảng biển trọng điểm gồm: Bến số 3, 4 Cảng Lạch Huyện, nâng cấp bến số 1 của Cảng Quy Nhơn, phát triển bến sau bãi Cảng Đà Nẵng, hoàn thành đầu tư cơ sở hạ tầng và thiết bị Cảng Vinalines Đình Vũ, hoàn thành Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước giai đoạn 2.

Hoàn thành việc nghiên cứu thiết lập ICD tại Long Bình (TP Hồ Chí Minh), trung tâm logistics Hòa Vang (Đà Nẵng) để tạo thành mối liên kết với các dịch vụ của các doanh nghiệp thành viên trong Tổng công ty, tạo lợi nhuận gia tăng cho Công ty mẹ trong giai đoạn cổ phần hóa.

Thực hiện công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp thành viên như Vosco, OSTC, Vinaship, Vitranschart, Sesco, Tín Nghĩa, Cảng Cần Thơ theo danh mục đã được phê duyệt.

3. Quản trị tài chính

Điều tiết, huy động các nguồn lực tài chính để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty mẹ. Chỉ đạo, hỗ trợ các doanh nghiệp thành viên xây dựng phương án tài chính, huy động vốn để đảm bảo hoạt động kinh doanh và dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án trọng điểm như: Dự án bến số 3, 4 Cảng Lạch Huyện của Cảng Hải Phòng, dự án mở rộng bến sau bãi Cảng Đà Nẵng, dự án Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước của Cảng Sài Gòn, dự án cải tạo nâng cấp bến số 1 của Cảng Quy Nhơn, dự án nâng cấp mở rộng Cảng Ba Ngòi của Cảng Cam Ranh.

Hoàn thành tái cơ cấu các khoản nợ của Công ty mẹ tại VDB. Tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ các công ty con tái cơ cấu tài chính theo Nghị quyết số 107/NQ-CP.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác tài chính - kế toán: Hoàn thành việc lập báo cáo tài chính công ty mẹ bằng phần mềm kế toán; phân đầu thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính toàn Tổng công ty bằng phần mềm kế toán; xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tích hợp với phần mềm kế toán để triển khai tại Công ty mẹ và các công ty con.

Hoàn thành quyết toán chi phí cổ phần hóa, giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ, bàn giao doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần.

4. Quản trị doanh nghiệp

Chuẩn hóa và hoàn chỉnh khung pháp lý của công ty cổ phần. Xây dựng và ban hành các quy trình chuẩn có tính hệ thống cao trong các lĩnh vực hoạt động cốt lõi, công nghệ thông tin.

Củng cố, xây dựng mô hình quản trị 3 tầng phòng vệ và nâng cao năng lực phòng vệ nhằm đảm bảo công tác thực hiện chiến lược, vận hành hiệu quả và kiểm soát rủi ro hợp lý trên toàn Tổng công ty. Xây dựng và ban hành chiến lược Quản trị rủi ro của Tổng công ty.

Kiến toàn nhân sự các chức danh lãnh đạo quản lý Tổng công ty và một số ban CMNV khi Tổng công ty chuyển sang công ty cổ phần.

Kiến toàn chức danh lãnh đạo tại đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty TNHH MTV và cử Người đại diện phần vốn góp, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát,... đối với các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty phục vụ cho ĐHCĐ của đơn vị.

Thực hiện luân chuyển cán bộ năm 2020, thực hiện kế hoạch cử cán bộ đi đào tạo thực tế tại doanh nghiệp năm 2020.

Tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện về kỹ năng quản trị doanh nghiệp, kỹ năng lãnh đạo và điều hành, kỹ năng đào tạo và huấn luyện đội nhóm dành cho lãnh đạo quản lý và Người đại diện phần vốn.

Hoàn thiện việc xây dựng và áp dụng cơ chế, chính sách đãi ngộ, đánh giá khen thưởng, kỷ luật để tạo động lực và phát huy năng lực.

Tiếp tục đổi mới quản trị doanh nghiệp trên tất cả các mặt để phù hợp với chuẩn mực quốc tế, bắt kịp với xu thế và hội nhập nhanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, sức cạnh tranh và phát triển bền vững. Áp dụng KPI (chỉ số đánh giá thực hiện công việc) và hệ thống trả lương, hệ thống đánh giá, bổ nhiệm/ miễn nhiệm mới để khuyến khích những tập thể, cá nhân dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

Phân quyền mạnh mẽ cho Người đại diện phần vốn, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nội bộ, E-learning và liên doanh liên kết để đào tạo chuyên ngành hàng hải, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát.

Đẩy mạnh truyền thông các hoạt động nổi bật của Tổng công ty và các DNTV, tổ chức thành công các hoạt động lớn của Tổng công ty như: Đại hội cổ đông thành lập công ty cổ phần, lễ ra mắt thương hiệu mới của công ty cổ phần, kỷ niệm 25 năm thành lập Tổng công ty.

Tiếp tục phát triển văn hóa doanh nghiệp hướng tới khách hàng, văn hóa hợp tác - làm việc nhóm, văn hóa trách nhiệm với công việc. Xây dựng văn hóa kinh doanh, đề cao tính trung thực, liêm chính. Phát huy tinh thần khởi nghiệp, sáng tạo trong toàn Tổng công ty. Thực hiện tốt 5S. Kiến tạo môi trường làm việc minh bạch, hiệu quả./.